

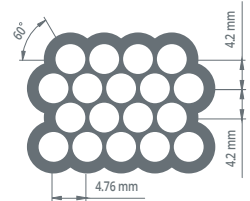
S-SERIES SERVER CABINET

TỦ CHỨA MÁY CHỦ DÒNG S



ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN

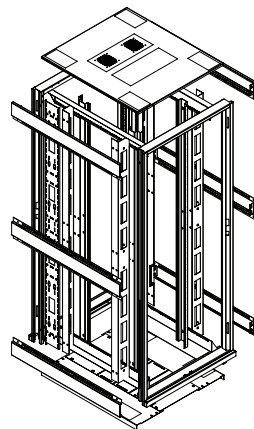
- Khung tủ NonaEdge gấp nhiều cạnh, tăng khả năng chịu lực và chống vặn xoắn.
- Kết cấu modular-grid từng thành phần kết nối đa điểm, giúp kết cấu tủ vững chắc nhưng vẫn dễ dàng tùy biến, tháo lắp và di chuyển.
- Cửa trước thiết kế nguyên cánh với mặt cong hình vòm, tăng độ cứng cáp của mặt lưới, đồng thời tạo độ thẩm mỹ và gia tăng góc nhìn.
- Cửa sau gồm hai cánh nhỏ mở sang hai bên giúp giảm không gian yêu cầu để lắp đặt và thao tác phía sau tủ.
- Các thanh treo thiết bị được thiết kế đặc biệt, chịu lực cao, dễ dàng điều chỉnh độ sâu sử dụng. Tầng U (unit) được dập dấu mép và in rõ chỉ số.
- Tích hợp sẵn giá treo bộ phân phối nguồn điện (PDU), hoặc dùng treo cáp giúp tăng không gian để quản lý cáp mặt độ cao.
- Cửa trước và sau được đục lỗ tròn tạo lưới với độ thông thoáng thực theo công thức chuẩn đạt trên 70%.
- Nắp hông hai phần trên dưới, thiết kế gọn, nhẹ, giúp giảm thiểu nhân công thao tác, lắp đặt tủ.
- Đường cáp vào được bố trí sẵn ở cả nóc và đáy tủ với thiết kế thuận tiện và thẩm mỹ. Nóc tủ được trang bị sẵn hai quạt hút tạo luồng khí định hướng giúp các thiết bị tản nhiệt tốt hơn.
- Hai bên hông tủ được thiết kế thêm không gian để tổ chức cáp mặt độ cao (đối với các sản phẩm tủ chiều ngang 800 mm).
- Bánh xe được thiết kế thấp, bề mặt rộng, giúp di chuyển êm ái và chịu tải cao. Chân đế vận được tích hợp sẵn dùng cố định và cân chỉnh tủ.
- Dây tiếp đất nối toàn bộ khung tủ với các cửa trước và cửa sau.



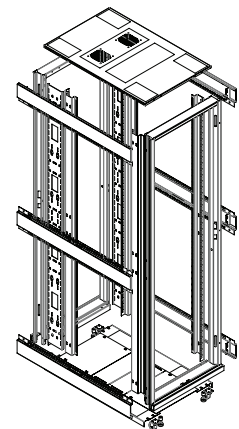
GIẢI PHÁP BẢO VỆ THIẾT BỊ HOÀN HẢO

Kết cấu khung vững chắc nhưng lại dễ dàng tùy biến, tháo lắp và di chuyển. Tải trọng tủ lên tới 1.350 kg cho phép lắp đặt thiết bị mật độ cao bên trong tủ, hệ thống cửa lưới với độ thông thoáng lên tới 70% giúp các thiết bị hoạt động hiệu quả.

Dãy sản phẩm rộng với đầy đủ các tùy chọn về chiều cao, chiều ngang và chiều sâu tủ giúp khách hàng dễ dàng lựa chọn được sản phẩm phù hợp nhất với nhu cầu của mình. Hệ thống phụ kiện lắp đặt đa dạng về chủng loại và kích thước giúp cho việc lắp đặt và tổ chức hệ thống dễ dàng hơn bao giờ hết.



TỦ NGANG 800 MM



TỦ NGANG 600 MM

EIA
310-E

Sản xuất theo tiêu chuẩn EIA 310-E



Tải trọng
1.350 KG (trên chân đế)



Kết cấu modular-grid kết nối đa điểm



Cửa trước sau, đục lỗ tròn thông thoáng 70%



Thanh treo thiết bị di chuyển được



Số U được in rõ và được dập dấu mép



Nắp hông đi cáp vào ở đáy & nóc tủ



Các đường đi cáp vào ở đáy & nóc tủ



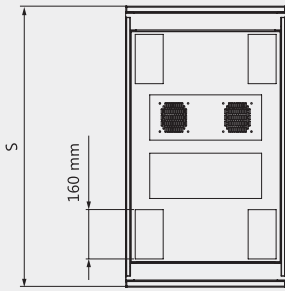
Toàn bộ tủ làm từ thép tấm cán nguội



Toàn bộ cửa được trang bị ổ khóa

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

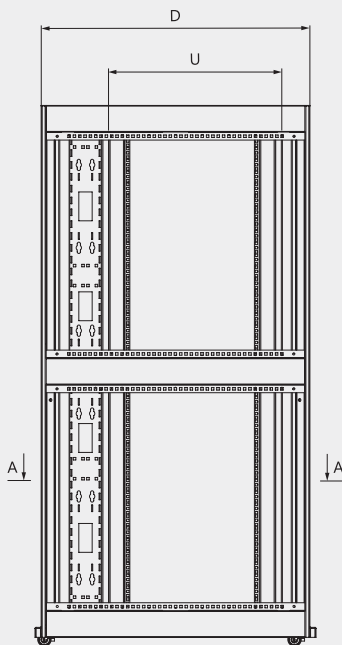
Tủ chứa máy chủ S-Series được sản xuất theo tiêu chuẩn rack 19-inch mới nhất hiện hành của Hoa Kỳ EIA-310-E (tên khác là ECIA-310-E), tương thích hoàn toàn với các tiêu chuẩn phổ biến ở các khu vực khác như IEC-60297-3-100 hoặc DIN 41494. Kích thước tủ, khoảng cách giữa các thanh treo thiết bị, kích thước và khoảng cách giữa các lỗ treo thiết bị đều được chuẩn hóa, bảo đảm tương thích hoàn toàn với các thiết bị treo rack chuẩn 19-inch.



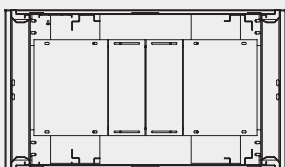
NÓC TỦ



MẶT TRƯỚC (KHÔNG CỬA)



MẶT HÔNG (KHÔNG CỬA)



MẶT CẮT ĐÁY TỦ A-A

Kích thước

- Chiều cao: 15U đến 48U.
- Chiều rộng: 600 và 800 (mm).
- Chiều sâu: 600 đến 1200 (mm).

Màu sơn

- Màu mặc định: Đen (RAL 9005).
- Màu tùy chọn khác: Xám trắng (RAL 7035).

Vật liệu

Thép tấm cán lạnh SPCC:

- Khung tủ: 2,0 mm.
- Thanh treo thiết bị: 2,0 mm.
- Cửa trước và sau: 1,2 mm.
- Cửa hông: 1,0 mm.
- Đế tủ: 1,5 mm.

Tải trọng

- Trên bánh xe: 1.000 kg.
- Trên chân đế: 1.350 kg.

Tiêu chuẩn

- EIA-310-E (ECIA-310-E), Type A
- DIN 41494
- BS5954 Part 2
- IEC 60297-1, IEC 60297-2

Không gian sử dụng

- Không gian phía trước tủ: 70 mm.
- Khoảng cách di chuyển tối đa giữa hai thanh treo thiết bị: 1.055 mm.
- Độ mở tối đa của cửa: 180°

Cửa tủ

- Cửa trước: nguyên cánh dạng lưới mặt cong hình vòm.
- Cửa sau: hai cánh dạng lưới mặt phẳng.
- Kiểu đột lỗ tạo lưới: lỗ tròn lệch tâm 60°, đường kính lỗ (D) 4,2 mm, khoảng cách tâm (C) 4,76 mm.
- Độ thông thoáng của cửa theo công thức chuẩn đạt trên 70%.
- Khóa cửa trước và cửa sau: ổ khóa tay nắm xoay
- Khóa cửa hông: ổ khóa tròn, bốn cửa sử dụng cùng một chìa

Nóc và đáy tủ

- Nóc tủ chứa sẵn bốn lỗ xuống cáp có nắp che, trang bị sẵn hai quạt tản nhiệt 230 V, 60 Hz, 300 CFM với đầu cắm NEMA 5-15P hoặc ổ cắm IEC 320-C14.
 - Đáy tủ có bánh xe và chân đế vận, được chứa sẵn bốn lỗ lên cáp có nắp che, và tùy chọn gắn thêm quạt để tạo luồng khí định hướng mạnh hơn (áp dụng cho các dòng tủ sâu 1000 mm trở lên).
 - Kích thước lỗ cáp: 160 x 96 mm
 - Kích thước khung quạt: 410 x 136 mm
- Kích thước đơn vị (U) theo EIA-310-E**
- Chiều cao 1U: 44,5 mm (1,75").
 - Chiều rộng: 482,6 mm (19").

THÔNG TIN ĐẶT HÀNG & KÍCH THƯỚC

| | CHIỀU SÂU (MM) | | | 15U | 20U | 27U | 36U | 42U | 45U | 48U |
|-----------------|----------------------|----------|--------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | KHUNG (D) | TỔNG (S) | Khả dụng (U) | | | | | | | |
| TỦ NGANG 600 MM | 600 | 657 | 455 | VRS15-660 | VRS20-660 | VRS27-660 | VRS36-660 | VRS42-660 | VRS45-660 | VRS48-660 |
| | 800 | 857 | 655 | VRS15-680 | VRS20-680 | VRS27-680 | VRS36-680 | VRS42-680 | VRS45-680 | VRS48-680 |
| | 1.000 | 1.057 | 855 | VRS15-6100 | VRS20-6100 | VRS27-6100 | VRS36-6100 | VRS42-6100 | VRS45-6100 | VRS48-6100 |
| | 1.100 | 1.157 | 855 | VRS15-6110 | VRS20-6110 | VRS27-6110 | VRS36-6110 | VRS42-6110 | VRS45-6110 | VRS48-6110 |
| TỦ NGANG 800 MM | 600 | 657 | 455 | VRS15-860 | VRS20-860 | VRS27-860 | VRS36-860 | VRS42-860 | VRS45-860 | VRS48-860 |
| | 800 | 857 | 655 | VRS15-880 | VRS20-880 | VRS27-880 | VRS36-880 | VRS42-880 | VRS45-880 | VRS48-880 |
| | 1.000 | 1.057 | 855 | VRS15-8100 | VRS20-8100 | VRS27-8100 | VRS36-8100 | VRS42-8100 | VRS45-8100 | VRS48-8100 |
| | 1.100 | 1.157 | 855 | VRS15-8110 | VRS20-8110 | VRS27-8110 | VRS36-8110 | VRS42-8110 | VRS45-8110 | VRS48-8110 |
| | 1.200 | 1.257 | 1.055 | VRS15-8120 | VRS20-8120 | VRS27-8120 | VRS36-8120 | VRS42-8120 | VRS45-8120 | VRS48-8120 |
| | CHIỀU CAO KHUNG (MM) | | | 750 | 972 | 1.293 | 1.683 | 1.950 | 2.173 | 2.218 |
| | CHIỀU CAO TỔNG (MM) | | | 805 | 1.027 | 1.338 | 1.738 | 2.005 | 2.228 | 2.273 |